

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS -ST
Ngày 24/4/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Song Trà;

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, ngày 26 tháng 3 năm 2019 và ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2018/TLST-DS ngày 10/12/2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST- DS, ngày 25/02/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 06/3/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18/2019/QDDST-DS ngày 26/3/2019, giữa các đương sự:

1. *N1 đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng)

Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

*** Người đại diện hợp pháp của N1 đơn:** Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Gm đốc, địa chỉ: Số A, đường N, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của N1 đơn; Ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Gm đốc Ngân hàng- chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số B đường Q, thành phố Q Ng, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của N1 đơn (Giấy ủy quyền số 1656/2018/GUQ-PL ngày 06/6/2018 và Giấy ủy quyền số

3966/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018). Ông T ủy quyền lại cho các ông, bà: Ông Nguyễn Vũ T1, chức vụ: Phó Gm đốc Ngân hàng - chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số A1, đường Q, thành phố Q Ng, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền số 145/2018/QĐ-CNQNI ngày 11-6-2018 và Giấy ủy quyền số 218/2018/QĐ-CNQNI ngày 29/12/2018); bà Nguyễn Thị T2 chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro, địa chỉ: Hẻm A2, đường N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền số 152/2018/QĐ-CNQNI, ngày 11/6/2018); ông Trần Duy H; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Hùng Vương, địa chỉ: Hẻm A3 đường L, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền số 172/2018/QĐ-CNQNI, ngày 11-6-2018 và Giấy ủy quyền số 236/2018/QĐ-CNQNI ngày 29/12/2018) và bà Thái Thị L, chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro, địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Theo Giấy ủy quyền số 38a/2019/QUQQNI, ngày 01/4/2019), bà L có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn L1 sinh năm 1973 và bà Trần Thị N sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q Ng, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Văn T3 sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị G sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: Thôn Phở T4, xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Lê Văn T4 sinh năm 1998

- Anh Lê Văn V sinh năm 2000

- Cháu Lê Thảo N1 sinh năm 2013

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Thảo N1 là: Ông Lê Văn L1 và bà Trần Thị N.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q Ng, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông L1, bà N, ông T3, bà G có mặt. Anh T4, anh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:*

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và Giấy đề nghị cấp tín dụng ngày 05/4/2017 của ông Lê Văn L1 và bà Trần Thị N, ngày 20/4/2017 Ngân hàng đã ký các hợp đồng tín dụng với ông L1, bà N: Hợp đồng số LD1710100042 ngày 20/4/2017, Hợp đồng số 01/LD1710100042 ngày 20/4/2017; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1710100042-

01 ngày 06/4/2018; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1710100042-01 ngày 06/4/2018; theo các hợp đồng Ngân hàng cho ông L1, bà N vay tổng số tiền 6.100.000.000 đồng; thời hạn vay tối đa theo hợp đồng 60 tháng, mục đích vay: Hoàn tiền sửa chữa 02 tàu cá, thay ngư lưới cụ và thay mới 02 máy tàu; bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất vay: tùy theo từng hợp đồng tương ứng 11 và 11,5%/năm ba tháng đầu tiên, từ tháng thứ tư trở đi theo lãi suất Ngân hàng điều chỉnh 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay; Phương thức trả nợ: Gốc theo quy định của từng Hợp đồng tín dụng, lãi trả hàng tháng và Hợp đồng thẻ tín dụng hạn mức 200.000.000 đồng đối với bà Trần Thị N. Ông L1 và bà N đã ký tên vào Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thẻ tín dụng và giấy nhận nợ Ngân hàng.

Để đảm bảo khoản vay của ông L1 và bà N, Ngân hàng đã ký các Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 01/LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số 01/LD1710100042/01 ngày 06/04/2018 với ông L1 và bà N, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 20/4/2017, đăng ký thế chấp ngày 20/4/2017 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 02, diện tích 87,8m² tại thôn P, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01827 ngày 20/12/2011 cho ông L1, bà N. Khi thế chấp, ông L1, bà N có cam kết bằng văn bản thế chấp toàn bộ diện tích công trình xây dựng (kể cả không có giấy tờ pháp lý) trên đất là nhà cấp 4, diện tích xây dựng 80m², kết cấu móng đá, tường gạch, mái ngói, nền lót gạch men cũng thuộc tài sản thế chấp cho Ngân hàng;

Hợp đồng thế chấp tàu cá số 02/LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tàu cá số 02/LD1710100042/01 ngày 06/4/2018 với ông L1 và bà N, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 20/4/2017 và ngày 06/4/2018, được chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, T3 báo việc kê biên thi hành án ngày 20/7/2017 đối với tàu cá quốc tịch Việt Nam, tổng dung tích 86,40TĐK, công dụng khai thác TS, Năm và nơi đóng 2014, CH2017, N A- Thành phố QNg, Chiều dài Lmax, m 22,80, chiều rộng Bmax m 6,20, chiều dài Ltk, m: 19,36, chiều rộng Btk, m 5,96, Chiều cao mạn D, m 2,75, chiều dài d, m 2,25, vật liệu gỗ, số lượng máy 01, Chủ tàu Lê Văn L1, Tổng công suất 750CV, Cơ quan đăng ký, đăng kiểm Chi cục Thủy sản Quảng Ngãi, Cảng đăng ký Cỏ Lũy, Kiểu máy Baudouin, số máy 3716L-000077, Năm

chế tạo Trung Quốc được Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký QNg-97228-TS ngày 30/3/2017 cho ông Lê Văn L1.

Hợp đồng thế chấp tàu cá số 03/LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tàu cá số 03/LD1710100042/01 ngày 06/4/2018 với ông L1 và bà N, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 20/4/2017 và ngày 06/4/2018, được chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, T3 báo việc kê biên thi hành án ngày 20/7/2017 đối với tàu cá quốc tịch Việt Nam, tổng dung tích 86,40TĐK, công dụng khai thác TS, Năm và nơi đóng 2014, CH2017, Nghĩa An- Thành phố Quảng Ngãi, Chiều dài Lmax, m 22,80, chiều rộng Bmax m 6,20, chiều dài Ltk, m: 19,36, chiều rộng Btk, m 5,96, Chiều cao mạn D, m 2,75, chiều dài d, m 2,25, vật liệu gỗ, số lượng máy 01, Chủ tàu Lê Văn L1, Tổng công suất 750CV, Cơ quan đăng ký, đăng kiểm Chi cục Thủy sản Quảng Ngãi, Cảng đăng ký Cổ Lũy, Kiểu máy Baudouin, số máy 3716L-000077, Năm chế tạo Trung Quốc được Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký QNg-97416-TS ngày 30/3/2017 cho ông Lê Văn L1.

Ngoài ra đảm bảo khoản vay của ông L1 và bà N, Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1710100042/01 ngày 06/04/2018 với ông Lê Văn T3 và bà Nguyễn Thị G, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 20/4/2017 và ngày 06/04/2018, đăng ký thế chấp ngày 20/4/2017 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 444, tờ bản đồ số 01, diện tích 177,7 m² tại xã N A, thành phố Q Ng, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân thành phố Q Ng, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH03088 ngày 01/12/2014 cho ông T3, bà G. Khi thế chấp, ông T3, bà G có cam kết bằng văn bản thế chấp toàn bộ diện tích công trình xây dựng (kể cả không có giấy tờ pháp lý) trên đất là nhà cấp 3, diện tích xây dựng 100m², diện tích sàn 200m², kết cấu móng đá, tường gạch, nền lót gạch men cũng thuộc tài sản thế chấp cho Ngân hàng;

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L1 và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 23/4/2019, ông L1 và bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 5.759.683.471 đồng; trong đó đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng 01/LD1710100042 ngày 20/4/2017 nợ gốc là 2.977.431.000 đồng, nợ lãi trong

hạn là 217.151.779 đồng, nợ lãi quá hạn 33.349.047 đồng; đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng LD1710100042 ngày 20/4/2017 nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 87.300.129 đồng, nợ lãi quá hạn 115.098.837 đồng. Đối với khoản nợ của Hợp đồng thẻ tín dụng của bà N dư nợ là 229.352.679 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông L1 và bà N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 5.759.683.471 đồng (tạm tính đến 23/4/2019), ông L1 và bà N phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 24/4/2019 cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông L1 và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, các tàu cá theo các hợp đồng thế chấp đã ký. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông L1 và bà N có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ. Ngân hàng cam kết thực hiện trách nhiệm kiểm kê, kiểm tra, giám sát, quản lý các tàu cá đã thế chấp cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

** Tại Biên bản làm việc ngày 18/01/2019; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L1 và bà N trình bày:*

Ông Lê Văn L1 và bà Trần Thị N thống nhất việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thẻ tín dụng đúng như phần trình của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng. Ông L1 và bà N thống nhất có nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 5.759.683.471 đồng; trong đó đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng 01/LD1710100042 ngày 20/4/2017 nợ gốc là 2.977.431.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 217.151.779 đồng, nợ lãi quá hạn 33.349.047 đồng; đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng LD1710100042 ngày 20/4/2017 nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 87.300.129 đồng, nợ lãi quá hạn 115.098.837 đồng. Đối với khoản nợ của Hợp đồng thẻ tín dụng của bà N dư nợ là 229.352.679 đồng (tạm tính đến ngày 23/4/2019);

Do điều kiện kinh tế khó khăn, ông L1 và bà N đề xuất được trả dần số tiền nợ theo phương án mỗi tháng trả 10.000.000đ bắt đầu từ tháng 02/02/2019 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng miễn tiền lãi cho ông, bà kể từ sau ngày 12/10/2018.

Hiện nay trên thửa đất số 155, tờ bản đồ số 02, diện tích 87,8m² tại thôn P, xã N, thành phố Q Ng, tỉnh Quảng Ngãi có một ngôi nhà cấp 4 gia đình ông L1, bà N đang sinh sống gồm: ông L1, bà N, các con của ông bà là anh Lê Văn T4

sinh năm 1998; anh Lê Văn V sinh năm 2000; cháu Lê Thảo N1 sinh năm 2013, các con chỉ sống cùng cha mẹ, không đóng góp, tạo lập gì về tài sản. Trường hợp ông L1, bà N không trả hoặc trả nợ không đầy đủ thì ông, bà đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý nợ.

** Tại Biên bản làm việc ngày 21/12/2018; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Văn T3 và bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Ông, bà là cha, mẹ ruột của ông Lê Văn L1. Để đảm bảo khoản vay của ông L1 và bà N tại Ngân hàng, ông bà đã ký Hợp đồng thế chấp và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp, cam kết thế chấp đúng như nguyên đơn trình bày. Hiện nay ông bà ở riêng tại ngôi nhà trên thửa đất thế chấp, không sống chung với người con nào, từ khi thế chấp cho Ngân hàng ông bà không xây, sửa, thay đổi gì ngôi nhà và quyền sử dụng đất. Trường hợp ông L1, bà N không trả được nợ, ông bà đồng ý giao tài sản thế chấp để xử lý nợ trả cho Ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn T4; anh Lê Văn V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án và không đến Tòa làm việc.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông L1 và bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền (tạm tính đến 23/4/2019) 5.759.683.471 đồng; trong đó đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng 01/LD1710100042 ngày 20/4/2017 nợ gốc là 2.977.431.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 217.151.779 đồng, nợ lãi quá hạn 33.349.047 đồng; đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng LD1710100042 ngày 20/4/2017 nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 87.300.129 đồng, nợ lãi quá hạn 115.098.837 đồng. Đối với khoản nợ của Hợp đồng thế tín dụng của bà N dư nợ là 229.352.679 đồng.*

Ông L1 và bà N phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 24/4/2019 cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông L1 và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử

lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp đã ký.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông L1 và bà N có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ. Ông L1 và bà N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Lê Văn T4; Anh Lê Văn V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Trần Văn L1 và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án thì Ngân hàng đã ký các hợp đồng tín dụng với ông L1, bà N: Hợp đồng số LD1710100042 ngày 20/4/2017, Hợp đồng số 01/LD1710100042 ngày 20/4/2017; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1710100042-01 ngày 06/4/2018; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1710100042-01 ngày 06/4/2018; theo các hợp đồng Ngân hàng cho ông L1, bà N vay tổng số tiền 6.100.000.000 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên tạm tính đến ngày 23/4/2019 ông L1, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 5.759.683.471 đồng; trong đó đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng 01/LD1710100042 ngày 20/4/2017 nợ gốc là 2.977.431.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 217.151.779 đồng, nợ lãi quá hạn 33.349.047 đồng; đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng LD1710100042 ngày 20/4/2017 nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 87.300.129 đồng, nợ lãi quá hạn 115.098.837 đồng. Đối với khoản nợ của Hợp đồng thế chấp của bà N dư nợ là 229.352.679 đồng.

Ông L1 và bà N thống nhất có vay và đồng ý trả nợ tổng số tiền 5.759.683.471 đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông L1 và bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ bao gồm nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 23/4/2019 và tiền

lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 24/4/2019 cho đến khi tất toán hợp đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Để đảm bảo khoản vay của ông L1 và bà N thì ông L1 và bà N, ông T3 và bà G đã ký các hợp đồng thế chấp và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; hợp đồng thế chấp các tàu cá với Ngân hàng. Cụ thể: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 01/LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số 01/LD1710100042/01 ngày 06/04/2018 với ông L1 và bà N, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 20/4/2017, đăng ký thế chấp ngày 20/4/2017 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 02, diện tích 87,8m² tại thôn P, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01827 ngày 20/12/2011 cho ông L1, bà N. Khi thế chấp, ông L1, bà N có cam kết bằng văn bản thế chấp toàn bộ diện tích công trình xây dựng (kể cả không có giấy tờ pháp lý) trên đất là nhà cấp 4, diện tích xây dựng 80m², kết cấu móng đá, tường gạch, mái ngói, nền lót gạch men cũng thuộc tài sản thế chấp cho Ngân hàng;

Hợp đồng thế chấp tàu cá số 02/LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tàu cá số 02/LD1710100042/01 ngày 06/4/2018 với ông L1 và bà N, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 20/4/2017 và ngày 06/4/2018, được chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, T3 báo việc kê biên thi hành án ngày 20/7/2017 đối với tàu cá quốc tịch Việt Nam, tổng dung tích 86,40TĐK, công dụng khai thác TS, Năm và nơi đóng 2014, CH2017, Nghĩa An- Thành phố Quảng Ngãi, Chiều dài Lmax, m 22,80, chiều rộng Bmax m 6,20, chiều dài Ltk, m: 19,36, chiều rộng Btk, m 5,96, Chiều cao mạn D, m 2,75, chiều dài d, m 2,25, vật liệu gỗ, số lượng máy 01, Chủ tàu Lê Văn L1, Tổng công suất 750CV, Cơ quan đăng ký, đăng kiểm Chi cục Thủy sản Quảng Ngãi, Cảng đăng ký Cổ Lũy, Kiểu máy Baudouin, số máy 3716L-000077, Năm chế tạo Trung Quốc được Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký QNg-97228-TS ngày 30/3/2017 cho ông Lê Văn L1.

Hợp đồng thế chấp tàu cá số 03/LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tàu cá số 03/LD1710100042/01 ngày 06/4/2018 với ông L1 và bà N, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 20/4/2017 và ngày 06/4/2018, được chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, T3 báo việc kê biên thi hành án ngày 20/7/2017 đối với tàu cá quốc tịch Việt Nam, tổng dung tích 86,40TĐK, công dụng khai thác TS, Năm và nơi đóng 2014, CH2017, Nghĩa An- Thành phố Quảng Ngãi, Chiều dài Lmax, m 22,80, chiều rộng Bmax m 6,20, chiều dài Ltk, m: 19,36, chiều rộng Btk, m 5,96, Chiều cao mạn D, m 2,75, chiều dài d, m 2,25, vật liệu gỗ, số lượng máy 01, Chủ tàu Lê Văn L1, Tổng công suất 750CV, Cơ quan đăng ký, đăng kiểm Chi cục Thủy sản Quảng Ngãi, Cảng đăng ký Cổ Lũy, Kiểu máy Baudouin, số máy 3716L-000077, Năm chế tạo Trung Quốc được Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký QNg-97416-TS ngày 30/3/2017 cho ông Lê Văn L1.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1710100042/01 ngày 06/04/2018 với ông Lê Văn T3 và bà Nguyễn Thị G, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 20/4/2017 và ngày 06/04/2018, đăng ký thế chấp ngày 20/4/2017 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 444, tờ bản đồ số 01, diện tích 177,7 m² tại xã NA, thành phố Q Ng, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH03088 ngày 01/12/2014 cho ông T3, bà G. Khi thế chấp, ông T3, bà G có cam kết bằng văn bản thế chấp toàn bộ diện tích công trình xây dựng (kể cả không có giấy tờ pháp lý) trên đất là nhà cấp 3, diện tích xây dựng 100m², diện tích sàn 200m², kết cấu móng đá, tường gạch, nền lót gạch men cũng thuộc tài sản thế chấp cho Ngân hàng;

Các hợp đồng được công chứng và đăng ký thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật, ông L1, bà N, ông T3, bà G xác định tài sản thế chấp là của ông bà, ông bà minh mẫn, tự nguyện thế chấp tài sản nêu trên để thế chấp cho các nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng mà ông L1, bà N đã ký với Ngân hàng. Các ông bà thừa nhận hợp đồng thế chấp và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp là có giá trị pháp lý, đúng ý chí của các ông, bà.

Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông L1 và bà N không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp

là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tàu cá để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông L1 và bà N tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông L1 và bà N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.000.000 đồng, Ngân hàng đã tạm ứng số tiền trên và đã chi xong nên ông L1 và bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng 4.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Ông L1 và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92, 144, 147, 157, 158, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Buộc ông Lê Văn L1 và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ tổng số tiền 5.759.683.471 đồng; trong đó đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng 01/LD1710100042 ngày 20/4/2017 nợ gốc là 2.977.431.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 217.151.779 đồng, nợ lãi quá hạn 33.349.047 đồng; đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng LD1710100042 ngày 20/4/2017 nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 87.300.129 đồng, nợ lãi quá hạn 115.098.837 đồng; đối với khoản nợ của Hợp đồng thẻ tín dụng của bà N dư nợ là 229.352.679 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 23/4/2019).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông L1 và bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. T4 hợp ông L1 và bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm nhà cấp 4, diện tích xây dựng 80m², kết cấu móng đá, tường gạch, mái ngói, nền lót gạch men tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 02, diện tích 87,8m² tại thôn P, xã N, thành phố Q Ng, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01827 ngày 20/12/2011 cho ông L1, bà N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 01/LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số 01/LD1710100042/01 ngày 06/04/2018 với ông L1 và bà N, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 20/4/2017, đăng ký thế chấp ngày 20/4/2017.

Tàu cá quốc tịch Việt Nam, tổng dung tích 86,40TĐK, công dụng khai thác TS, Năm và nơi đóng 2014, CH2017, Nghĩa An- Thành phố Quảng Ngãi, Chiều dài Lmax, m 22,80, chiều rộng Bmax m 6,20, chiều dài Ltk, m: 19,36, chiều rộng Btk,m 5,96, Chiều cao mạn D,m 2,75, chiều dài d,m 2,25, vật liệu gỗ, số lượng máy 01, Chủ tàu Lê Văn L1, Tổng công suất 750CV, Cơ quan đăng ký, đăng kiểm Chi cục Thủy sản Quảng Ngãi, Cảng đăng ký Cổ Lũy, Kiểu máu Baudouin, số máy 3716L-000077, Năm chế tạo Trung Quốc được Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký QNg-97228-TS ngày 30/3/2017 cho ông Lê Văn L1 theo Hợp đồng thế chấp tàu cá số 02/LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tàu cá số 02/LD1710100042/01 ngày 06/4/2018 với ông L1 và bà N, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 20/4/2017 và ngày 06/4/2018, được chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, T3 báo việc kê biên thi hành án ngày 20/7/2017.

Tàu cá quốc tịch Việt Nam, tổng dung tích 86,40TĐK, công dụng khai thác TS, Năm và nơi đóng 2014, CH2017, Nghĩa An- Thành phố Quảng Ngãi, Chiều dài Lmax, m 22,80, chiều rộng Bmax m 6,20, chiều dài Ltk, m: 19,36, chiều rộng Btk,m 5,96, Chiều cao mạn D,m 2,75, chiều dài d,m 2,25, vật liệu gỗ, số lượng máy 01, Chủ tàu Lê Văn L1, Tổng công suất 750CV, Cơ quan đăng ký, đăng kiểm Chi cục Thủy sản Quảng Ngãi, Cảng đăng ký Cổ Lũy, Kiểu máu Baudouin, số máy 3716L-000077, Năm chế tạo Trung Quốc được Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký QNg-

97416-TS ngày 30/3/2017 cho ông Lê Văn L1 theo Hợp đồng thế chấp tàu cá số 03/LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tàu cá số 03/LD1710100042/01 ngày 06/4/2018 với ông L1 và bà N, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 20/4/2017 và ngày 06/4/2018, được chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, T3 báo việc kê biên thi hành án ngày 20/7/2017.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 3, diện tích xây dựng 100m², diện tích sàn 200m², kết cấu móng đá, tường gạch, nền lát gạch men tại thửa đất số 444, tờ bản đồ số 01, diện tích 177,7 m² tại xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân thành phố Q Ng, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH03088 ngày 01/12/2014 cho ông Lê Văn T3, bà Nguyễn Thị G theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1710100042 ngày 20/4/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1710100042/01 ngày 06/04/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông L1 và bà N có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi trả nợ xong.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), Ông Lê Văn L1 và bà Trần Thị N phải chịu nhưng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã tạm ứng số tiền trên và đã chi phí xong nên buộc ông L1 và bà N phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L1 và bà N phải chịu 113.759.683 đồng (Một trăm mười ba triệu, bảy trăm năm mươi chín ngàn, sáu trăm tám mươi ba đồng).

6. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 56.694.908đ (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi bốn ngàn, chín trăm lẻ tám đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000199 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly